

Bản án số: 37/2024/KDTM-ST

Ngày: 28/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/TLST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuê tài chính Ngân hàng C.

Trụ sở: Tầng A, Tầng B tòa nhà B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Tấn P, theo giấy ủy quyền ngày 25/4/2024.

Địa chỉ: Tầng A, Tầng B tòa nhà B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông P có mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

Trụ sở: Thôn F, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thảo L.

Địa chỉ: Thôn F, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các bên đương sự trình bày:

* Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuê tài chính Ngân hàng C có ông Lưu Tấn P đại diện ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH MTV C (gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) có ký 03 hợp đồng cho thuê tài chính gồm: Hợp đồng

SBL010201606011, ngày 10/6/2016; hợp đồng SBL010201605005 ngày 05/5/2016; và hợp đồng SBL010201604026 ngày 28/4/2016.

- Với Hợp đồng cho thuê tài chính SBL010201606011, ngày 10/06/2016: SBL cho công ty N thuê 02 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Kobelco, model SK330-8, sản xuất năm 2015, tài sản đã bàn giao cho bị đơn, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền thuê theo Lịch thanh toán tiền thuê đính kèm hợp đồng.

Sau một thời gian thực hiện, bắt đầu từ kỳ thanh toán tháng 8/2017, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê cho nguyên đơn nên nguyên đơn đã thu hồi 02 máy đào bánh xích và bán đấu giá, máy có số khung LC11-T0599 bán được 1.626.000.000 đồng còn máy số khung TC11-T0600 bán được 2.213.000.000 đồng. Tuy nhiên khoản tiền thu được từ tài sản này chỉ trả được một phần nợ gốc.

Hiện nay số nợ của hợp đồng này còn nợ gốc là 1.023.244.748 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 1.663.195.600 đồng

- Với hợp đồng SBL010201604026 ngày 28/4/2016: SBL cho công ty N thuê 04 xe ô tô tải tự đổ loại Thaco Auman D240/W290, hiệu Foton, sản xuất năm 2016 tại Việt Nam, màu xám.

Quá trình thực hiện bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, SBL đã thu hồi tài sản cho bên thứ ba thuê lại. Hiện nay số nợ từ hợp đồng này còn nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 471.033.000 đồng.

- Với hợp đồng SBL010201605005 ngày 05/5/2016: SBL cho công ty N thuê 02 xe tải tự đổ loại Thaco Auman D240/W290, hiệu Foton, sản xuất năm 2016 tại Việt Nam, biển số là 49C-114-77 và 49C-114-52.

Quá trình thực hiện bị đơn vi phạm, SBL đã thu hồi tài sản về bán đấu giá, cụ thể, xe 49C-114-77 bán được 631.000.000 đồng và xe 49C-114-52 bán được 550.000.000 đồng. Hiện nay số nợ từ hợp đồng này còn nợ gốc là 294.909.320 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 484.577.500 đồng.

Công ty S đã nhiều lần yêu cầu Công ty N thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần nợ còn lại của các hợp đồng cho thuê tài chính, tuy nhiên Công ty N vẫn không thanh thực hiện, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Buộc Công ty TNHH N thanh toán khoản nợ của các Hợp đồng cho thuê tài chính, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho thuê tài chính SBL010201606011: Nợ gốc là 1.023.244.748 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 1.663.195.600 đồng.

2. Hợp đồng SBL010201605005: Nợ gốc là 294.909.320 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 484.577.500 đồng.

3. Hợp đồng SBL010201604026: Nợ gốc 0 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 471.033.000 đồng.

Tổng các khoản:

- Nợ gốc tiền thuê tài chính: 1.318.154.068 đồng;

- Lãi cho thuê tài chính: 2.618.806.100 đồng;

- Bảo hiểm còn thiếu: 25.738.880 đồng;

- Chi phí phát sinh từ việc xử lý nợ của Công ty N: 83.589.526 đồng.

Tổng số tiền phải thanh toán là: 4.046.288.574 đồng.

* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N (gọi tắt là Công ty N) có bà Trần Thị Thảo L là đại diện theo pháp luật trình bày:

Vào ngày 10/06/2016, Công ty N có thuê mua tài chính của Công ty TNHH MTV C đối với 2 xe Đào bánh xích, nhãn hiệu KOBELCO, MODEL, SK 330-8, sản xuất năm 2015, xuất xứ tại Thái Lan, dung tích 1,6m³. Số tiền xe đào là 4.246.000.000 đồng x 02 xe = 8.492.000.000 đồng. Bị đơn trả trước là 1.274.000.000 đồng, số tiền còn lại là 7.218.000.000 đồng. Thời gian thuê mua tài chính là 8 năm. Bị đơn thuê mua theo hình thức mua trả góp hàng tháng, trả gốc và lãi một tháng 100.000.000 đồng. Năm 2018, bị đơn gặp khó khăn nên không đóng tiền trả góp hàng tháng đúng hẹn cho nguyên đơn. Đến cuối 2018, bị đơn đồng ý bàn giao 2 xe đào KOBE cho nguyên đơn để bán xử lý nợ. Hai bên đã chốt công nợ đến ngày 07/11/2018 số tiền là 5.152.866.700 đồng. Số tiền bán 02 xe đào là 5.200.000.000 đồng, phần còn dư xe là 47.133.300 đồng, như vậy bị đơn đã trả nợ xong cho nguyên đơn.

Công ty N không còn hoạt động từ năm 2018 cho đến năm 2024, lý do làm ăn thua lỗ dẫn đến phá sản, nợ nhiều, tài sản công ty không đủ để trả nợ cho các ngân hàng, công ty rất khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ mà đã thanh toán công nợ cho nguyên đơn ngày 07/11/2018 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện và công ty TNHH N cũng bị phá sản từ năm 2018 đến nay. Hơn nữa số tiền dư cân đối nợ ngày 07/11/2018 còn dư 47.133.300 đồng và lãi suất từ 2018 đến nay trên số tiền gốc này, bị đơn không đề nghị nguyên đơn trả lại khoản tiền này.

Bị đơn đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn vì đã hết thời hiệu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn:

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Rút yêu cầu về tiền lãi cho thuê tài chính đối với Hợp đồng SBL010201605005 là 484.577.500 đồng, Hợp đồng SBL010201604026 là 471.033.000 đồng,

+ Rút yêu cầu về việc buộc bị đơn thanh toán tiền bảo hiểm còn thiếu là 25.738.880 đồng;

- Thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán chi phí phát sinh từ việc xử lý nợ là 76.000.000 đồng.

- Giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 1.023.244.748 đồng, lãi 1.663.195.600 đồng của hợp đồng số SBL010201606011 và nợ gốc 294.909.320 đồng của Hợp đồng SBL010201605005.

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán là: 3.057.349.668 đồng.

Bị đơn: Vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu quan điểm: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng theo qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, căn cứ thỏa thuận của hợp đồng cho thuê tài chính hai bên ký kết phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút. Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền 3.057.349.668 đồng, xét thấy hợp đồng hai bên đã ký kết đúng quy định pháp luật, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hợp đồng còn trong thời hiệu khởi kiện nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuê tài chính Ngân hàng C khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, yêu cầu thanh toán nợ từ hợp đồng cho thuê tài chính nên đây là tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng cho thuê tài chính hai bên thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân Quận 3 giải quyết tranh chấp phát sinh đồng thời là nơi nguyên đơn có trụ sở chính, do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án này là Tòa án nhân dân Quận 3.

[2] Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi đối với Hợp đồng SBL010201605005 là 484.577.500 đồng, hợp đồng SBL010201604026 là 471.033.000 đồng và rút yêu cầu về việc buộc bị đơn thanh toán tiền bảo hiểm còn thiếu là 25.738.880 đồng nên căn cứ Điều 217, 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Xét nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán chi phí phát sinh từ việc xử lý nợ là 76.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận.

[5] **Về nội dung yêu cầu khởi kiện:** Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ hợp đồng cho thuê tài chính SBL010201606011, ngày 10/06/2016; hợp đồng SBL010201604026 ngày 28/4/2016; hợp đồng SBL010201605005 ngày 05/5/2016 được ký tên và đóng dấu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuê tài chính Ngân hàng C và Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, nội dung SBL đã cho Công ty N thuê tài chính một số tài sản

gồm 02 xe đào bánh xích, nhãn hiệu KOBELCO, MODEL, SK 330-8; 06 xe ô tô tải tự đổ loại Thaco Auman D240/W290, hiệu Foton. Hợp đồng ký kết tự nguyện, nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật nên có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của hai bên.

[6] SBL đã mua và bàn giao cho Công ty N thuê các tài sản:

- 01 xe đào bánh xích KOBELCO, MODEL, SK 330-8, số khung LC11-T0600;
- 01 xe đào bánh xích KOBELCO, MODEL, SK 330-8, số khung LC11-T0599;
- 06 xe ô tô tải tự đổ loại Thaco Auman D240/W290, biển số lần lượt là 49C-114.52; 49C-114.77; 49C-112.50; 49C-112.88; 49C-112.57 và 49C-111.91

[7] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. SBL đã căn cứ vào điểm i mục 2 của phụ lục 5 của các hợp đồng cho thuê tài chính, thu hồi tài sản thuê để xử lý là có căn cứ. Cụ thể, SBL đã bán đấu giá 02 xe đào bánh xích của hợp đồng số SBL010201606011, bán 02 xe ô tô tải tự đổ biển số 49C-114.52; 49C-114.77 và cho thuê lại 04 xe biển số 49C-112.50; 49C-112.88; 49C-112.57 và 49C-111.91.

[8] Sau khi xử lý tài sản thuê, số nợ của Công ty N còn lại như sau: Hợp đồng cho thuê tài chính SBL010201606011, nợ gốc là 1.023.244.748 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 1.663.195.600 đồng. Hợp đồng SBL010201605005, nợ gốc là 294.909.320 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 484.577.500 đồng. Hợp đồng SBL010201604026, nợ gốc 0 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 471.033.000 đồng.

[9] Xét thấy, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 10 của các hợp đồng cho thuê tài chính và mục 2 của phụ lục 5, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ gốc của 03 hợp đồng cho thuê tài chính với tổng số tiền là 1.318.154.068 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[10] Tại bản tự khai ngày 19/4/2024, bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu. Tuy nhiên bị đơn chỉ trình bày về hợp đồng cho thuê 02 máy đào bánh xích mà không đề cập đến các hợp đồng cho thuê tài chính đối với xe ô tô tải tự đổ.

[11] Xét hợp đồng cho thuê 02 máy đào bánh xích số SBL010201606011, ngày ngày 10/06/2016. Theo lịch thanh toán đối với hợp đồng SBL010201606011, thời hạn thanh toán kỳ cuối cùng là ngày 13/6/2020. Tháng 8/2017, công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên SBL thu hồi 02 máy về để bán thu hồi nợ. Quá trình xử lý tài sản thuê diễn ra từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2021 mới thực hiện xong. Điều này thể hiện tại hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, ngày 23/3/2021, SBL đã bán đấu giá xe đào bánh xích KOBELCO, MODEL, SK 330-8, số khung LC11-T0599 cho Công ty TNHH T. Sau khi bán tài sản thuê, SBL xác định Công ty N còn nợ số tiền gốc của hợp đồng này là 1.023.244.748 đồng, nợ lãi cho thuê tài chính là 1.663.195.600 đồng. Như vậy tính từ thời điểm 23/3/2021 đến ngày SBL nộp đơn khởi kiện (ngày 02/10/2023) là còn trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 429 của BLDS năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu

cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của bị đơn.

[12] Về số tiền lãi của hợp đồng SBL010201606011: Căn cứ Điều 10 hợp đồng SBL010201606011 và lịch thanh toán đối với hợp đồng SBL010201606011, thời hạn thanh toán chia thành 48 kỳ. Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ nên ngoài tiền gốc còn phải thanh toán số tiền lãi còn thiếu là 1.663.195.600 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/02/2020 và nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 29/02/2020.

[13] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán chi phí xử lý nợ là 76.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại mục 2, phụ lục 5 của các hợp đồng cho thuê tài chính trên quy định rằng mọi chi phí phát sinh do việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì bên thuê tài chính chịu. Theo Hợp đồng gửi giữ tài sản số 01/2019, ngày 07/8/2019 thì SBL sau khi thu hồi tài sản về đã gửi giữ tài sản tại Công ty TNHH T1, chi phí phát sinh là 76.000.000 đồng theo hóa đơn số 0000046 ngày 29/3/2021. Xét yêu cầu này là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[14] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 422; 481 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuê tài chính Ngân hàng C số tiền là 3.057.349.668 đồng (ba tỷ không trăm năm mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng), trong đó bao gồm số tiền nợ gốc là 1.023.244.748 đồng, nợ lãi là 1.663.195.600 đồng của hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010201606011, ngày 10/06/2016; số tiền nợ gốc là 294.909.320 đồng của Hợp đồng SBL010201605005, ngày 05/5/2016 và chi phí xử lý nợ là 76.000.000 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn N có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trong trường hợp phát sinh thêm nếu có sau ngày xét xử theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuê tài chính Ngân hàng C về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N thanh toán tiền lãi đối với Hợp đồng SBL010201605005, ngày 05/5/2016 là 484.577.500 đồng; tiền lãi đối với Hợp đồng SBL010201604026, ngày 28/4/2016 là 471.033.000 đồng; tiền bảo hiểm còn thiếu là 25.738.880 đồng.

3. **Về án phí:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải chịu 93.146.993 đồng (chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại số tiền tạm ứng án phí là 56.023.144 đồng (năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi ba ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuê tài chính Ngân hàng C theo Biên lai tạm ứng án phí số 0002330 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuê tài chính Ngân hàng C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty Trách nhiệm hữu hạn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

Lê Thị Thủy

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**